

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-05- 2025

“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên-Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Miện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Thời gian đầu bà M và ông K sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, bất hòa do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù bà M và ông K đã cố gắng để hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả.

Tại đơn khởi kiện, do nhầm lẫn nên bà Miện trình bày là sống chung như vợ chồng với ông K không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phạm Văn K. Quá trình giải quyết vụ án, bà M mới biết được là bà M và ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Króa, huyện M'Đrắk vào ngày 12/03/2004. Bà M nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt

được, vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn K.

Về con chung: Bà M và ông K có 03 con chung là: Phạm Văn Th, sinh ngày 18/07/1990, Phạm Văn T, sinh ngày 13/03/1999 và Phạm Thị Ph, sinh ngày 10/11/2000. Các con hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn K trình bày:*

Ông Kiệp đồng ý với phần trình bày của bà Nguyễn Thị M. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Về tài sản chung, nợ chung và con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các đương sự có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là chính đáng. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Các con của nguyên đơn và bị đơn đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn. Bị đơn cư trú tại Thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/5/2025 nguyên đơn nộp đơn trình bày, xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Cư Króa ngày 12/03/2004, nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu và mục đích khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về thủ tục vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1990. Ngày 12/03/2004, nguyên đơn và bị đơn đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Króa. Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự xác định: Mâu thuẫn vợ chồng là thực tế, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Con chung của nguyên đơn và bị đơn đã đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, các Điều 228, 238, 244, 266 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, xử cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn K.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Miện đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/008908 ngày 19/3/2025. Bà Miện đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Dương sự;
- UBND xã Cư Króa, huyện M'Đrắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải